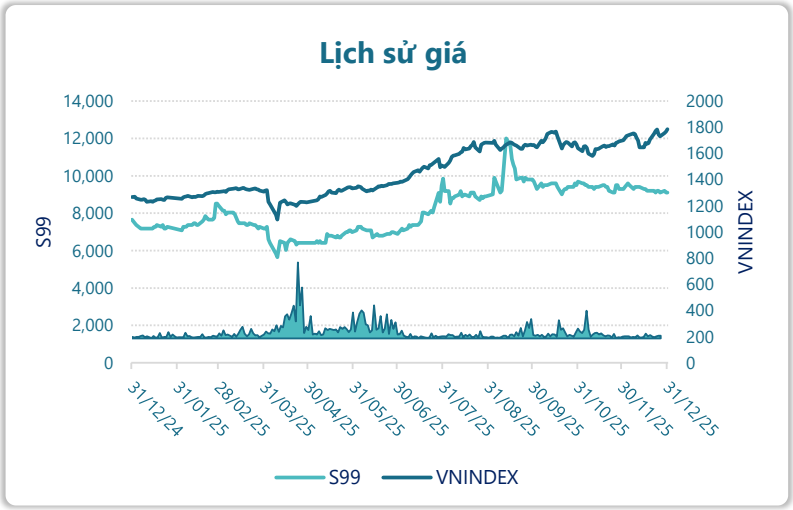
CTCP SCI (HNX: S99)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,646
SL cổ phiếu LH	104,088,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	68,500
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	947
P/E	9.4
EPS	966

DT thuần

Q4/25

90.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼431| -82.7%

YoY: ▼241| -72.7%

LN sau thuế

Q4/25

28.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.30| -20.2%

YoY: ▲ 38.5| 398%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

20.1%

+/- YoY: ▲ 5.2%

DT thuần

2025

1,427

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.0| 1.8%

LN sau thuế

2025

108

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.1| 147%

ROE

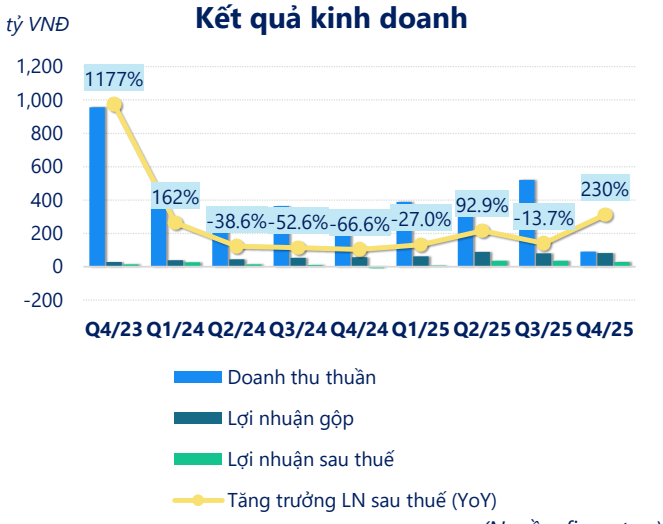
2025

5.6%

+/- YoY: ▲ 3.2%

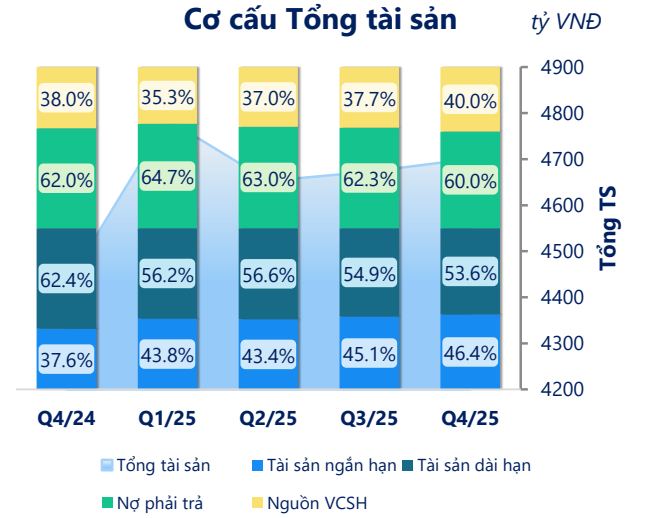
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



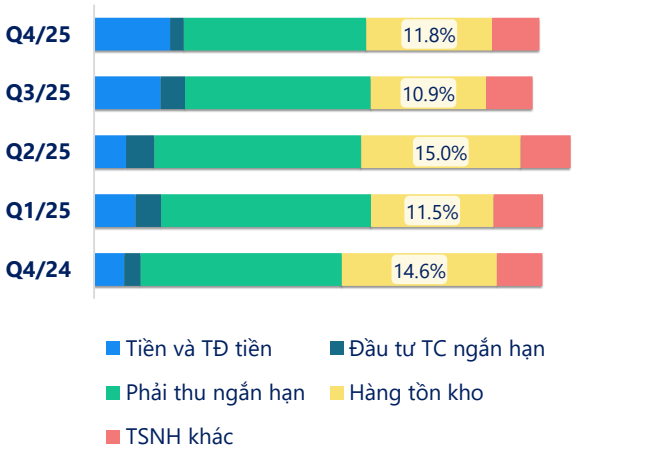
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



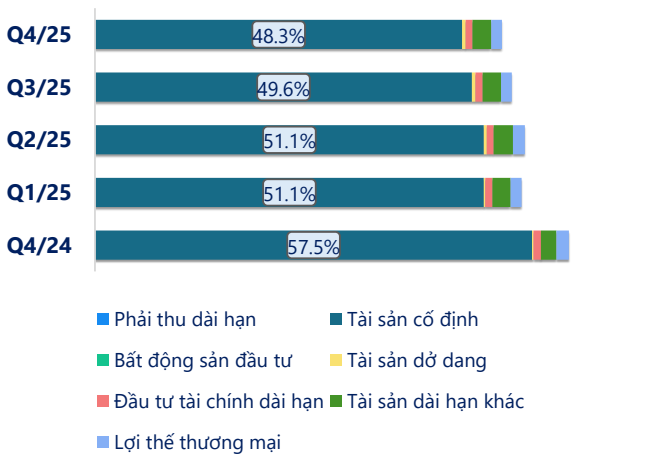
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



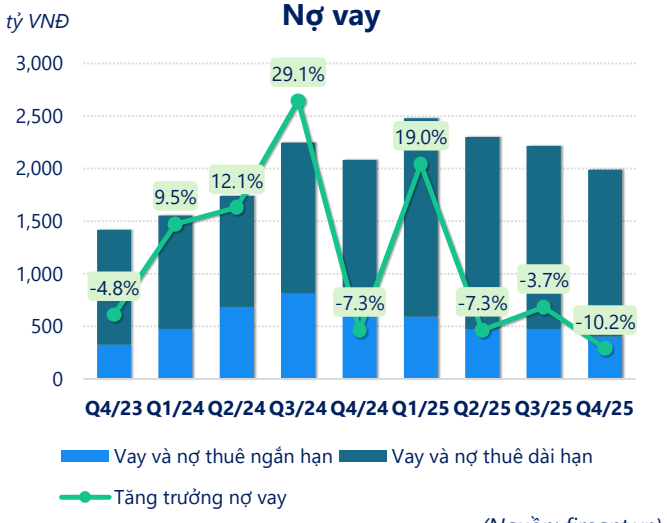
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



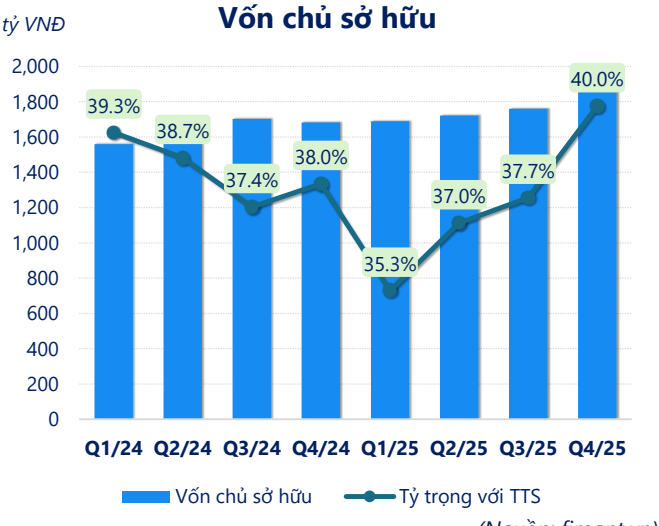
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



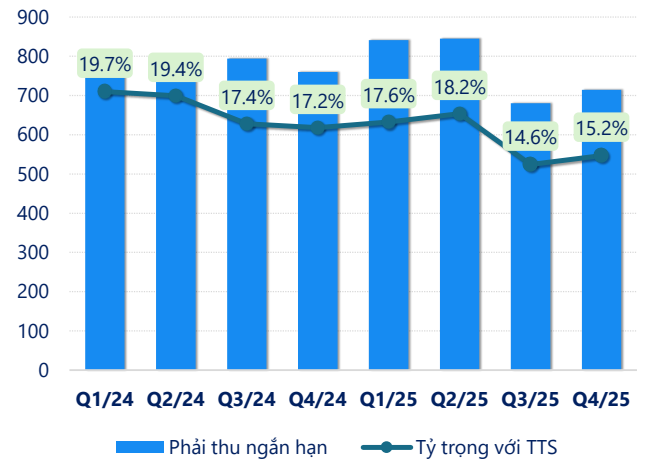
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



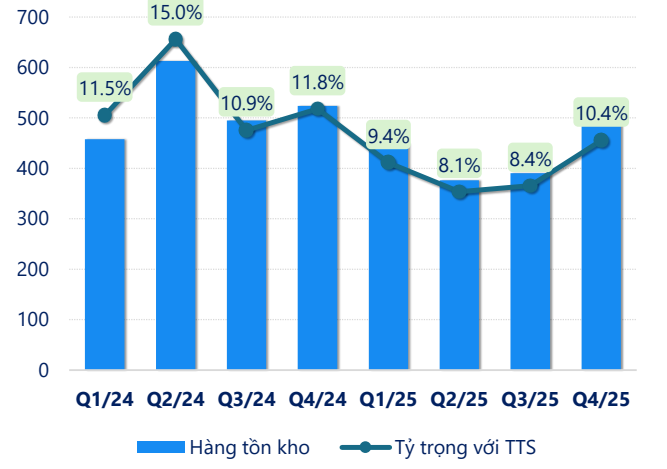
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



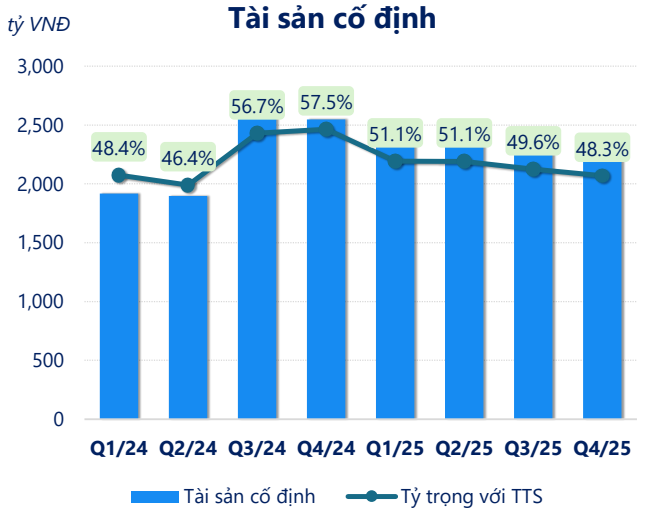
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



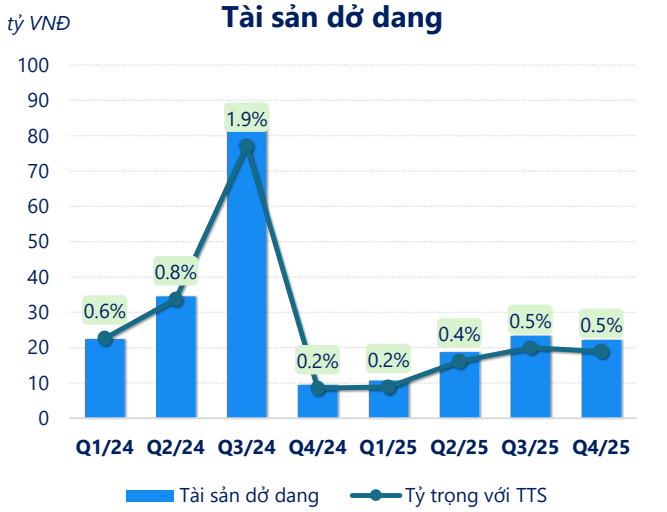
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



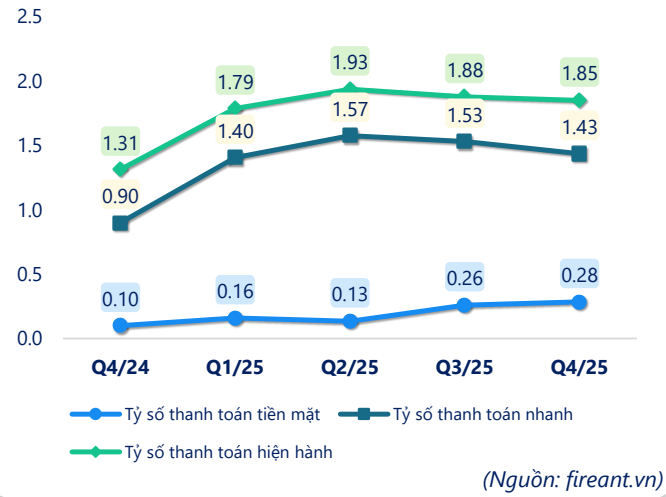
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



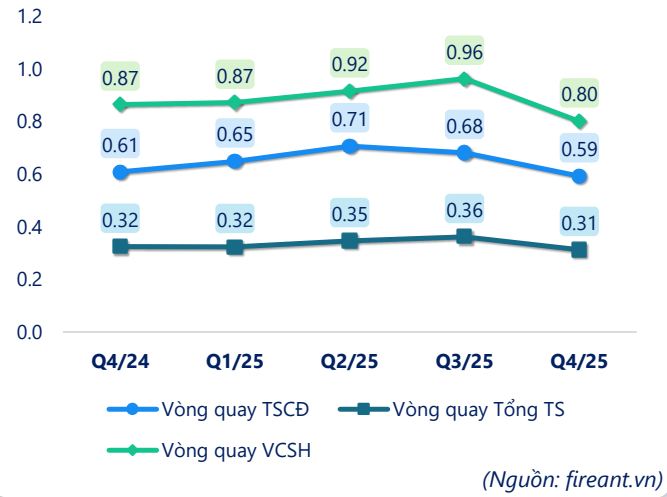
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**4,428**	**4,786**	**4,653**	**4,673**	**4,701**
Tài sản ngắn hạn	**1,665**	**2,098**	**2,020**	**2,108**	**2,182**
Tiền và tương đương tiền	126	186	140	292	336
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.4	417	462	545	437
Phải thu ngắn hạn	760	841	845	680	714
Hàng tồn kho	524	450	376	390	489
Tài sản ngắn hạn khác	197	204	197	200	205
Tài sản dài hạn	**2,764**	**2,688**	**2,633**	**2,565**	**2,519**
Phải thu dài hạn	1.46	1.40	1.61	1.49	1.76
Tài sản cố định	2,546	2,448	2,379	2,317	2,270
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.44	10.6	18.8	23.3	22.2
Đầu tư tài chính dài hạn	43.0	43.9	43.0	42.9	42.9
Tài sản dài hạn khác	89.7	115	118	114	116
Lợi thế thương mại	74.1	69.3	72.7	66.9	66.4
Nợ phải trả	**2,745**	**3,098**	**2,931**	**2,913**	**2,821**
Nợ ngắn hạn	**1,269**	**1,175**	**1,044**	**1,124**	**1,180**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	659	592	469	470	403
Phải trả người bán ngắn hạn	182	156	176	175	165
Nợ dài hạn	1,477	1,923	1,887	1,789	1,641
Vay và nợ thuê dài hạn	1,424	1,888	1,831	1,746	1,588
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,683**	**1,689**	**1,722**	**1,759**	**1,880**
Vốn chủ sở hữu	**1,683**	**1,689**	**1,722**	**1,759**	**1,880**
Vốn điều lệ	991	991	991	1,041	1,041
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)